TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KRÔNG BÚK** **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2023/DS-ST
Ngày: 31 - 7 - 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG BÚK, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông **Trương Văn Chinh**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Vũ Công Đạt**

2. Ông **Nguyễn Tư Thế**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thuỷ** - Thư ký Tòa án Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà*:** Ông **Đinh Quang Ngọc**– Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 16/2023/ TLST- DS, ngày 07 tháng 02 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXX-ST ngày 28 tháng 6 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 19/2023/QĐST-DS, ngày 14/7/2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

Người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn: Ông Phan Đức T, Chủ tịch Hộ đồng quản trị.

Địa chỉ: Số 194 Trần Quang Kh, quận H, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nông Hà H, Giám đốc Chi nhánh Bắc Đ (theo giấy ủy quyền thường xuyên số 963/QĐ - BIDV, ngày 25/10/2021)

Người đại diện theo ủy quyền lại: Bà Lương Thị T – Chức vụ: Phó phòng KH2 (Văn bản ủy quyền số Giấy ủy quyền số 1199/BIDV.BH ngày 04/08/2022).

Địa chỉ: 476 Hùng V, phường A, thị xã B, tỉnh Đ. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T

Địa chỉ: Thôn T, xã Ch, huyện K, tỉnh Đ. Vắng mặt (đã được tống đạt hợp lệ lần thứ hai).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày đề ngày 22/12/2022, trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 19/8/2020 vợ chồng ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T có ký hợp đồng và vay vốn tại Ngân hàng Đ chi nhánh B với số tiền 210.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số 02/2020/ 11371181/HĐTD. Thời hạn vay 12 tháng. Lãi suất trong hạn 10.8%/năm và được điều chỉnh khi có sự thay đổ lãi suất cho vay của BIDV tại thời điểm điều chỉ, việc điều chỉnh do BIDV quyết định. Lãi suất quá hạn được tính đối với nợ gốc quá hạn là 150%, lãi suất chậm trả đối với lãi là 10%/năm. Mục đích vay là để đầu tư chăm sóc cà phê, tiêu và mua sắm thiết bị sản xuất.

Để bảo đảm nghĩa vụ cho khoản vay ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T có thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36, diện tích 491,6 m^2, trong đó diện tích đất ở là 200 m^2, đất trồng cây lâu năm 291,6 m^2, địa chỉ thửa đất: xã Ch, huyện K, tỉnh Đ, được UBND huyện Krông Búk cấp cho ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T ngày 12/6/2018 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 304844 theo ký kết hợp đồng thế chấp số 01/2018/1137118 /HĐBĐ ngày 09/8/ 2018.

Trong quá trình thực hiện trả nợ ông L, bà T đã trả được 16.963.397 đồng tiền lãi trong hạn. Mặc dù, đã quá hạn trả nợ, Ngân hàng đã đôn đốc nhắc nhở ông L, bà T về việc thanh toán nợ gốc và nợ lãi nhiều lần nhưng ông L, bà T vẫn chưa thanh toán được cho Ngân hàng BIDV nên đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Nay, Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử (ngày 31/7/2023) là 261.197.541 đồng, trong đó nợ gốc: 210.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 49.896.001 đồng, nợ lãi quá hạn: 186.411 đồng và tiền lãi chậm trả lãi: 1.115.129 đồng. Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 01/08/2023 theo hợp đồng tín dụng số 02/2020/11371181 /HĐTD, ngày 19/8/2020 cho đến khi ông L, bà T trả hết các khoản nợ.

Trường hợp ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ nói trên thì Ngân hàng BIDV có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp theo các hợp đồng thế chấp để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn vắng mặt tại nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành, tống đạt và niêm yết hợp lệ, nhiều lần, đầy đủ thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn nhưng ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T vẫn vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu về nội dụng vụ án: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ, đầy đủ các văn bản tố tụng và thủ tục tống đạt xét xử lần 2 hợp lệ nhưng bị đơn vẫn vắng mặt nên đề nghị Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của tố tụng dân sự. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về án phí, buộc bị đơn phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T về việc vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo hợp đồng tín dụng, Tòa xác định quan hệ pháp luật tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngân hàng TMCP Đ chi nhánh Bắc Đ đã làm việc với ông L, bà T về việc trả nợ nhưng ông L, bà T vẫn trốn tránh việc trả nợ. Theo Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Toà án nhân dân tối cao ngày 05/5/2017 thì trường hợp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo địa chỉ được ghi trong giao dịch, hợp đồng bằng văn bản thì được coi là "đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở". Trường hợp người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở gắn với việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong giao dịch, hợp đồng mà không thông báo cho người khởi kiện biết về nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở mới theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 Bộ luật dân sự năm 2015 thì được coi là cố tình giấu địa chỉ và Tòa án tiếp tục giải quyết theo thủ tục chung mà không đình chỉ việc giải quyết vụ án vì lý do không tống đạt được cho bị đơn.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cho bị đơn và xác minh nơi cư trú của bị đơn đúng theo địa chỉ mà nguyên đơn cung cấp trong đơn khởi kiện, người khởi kiện đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của bị đơn theo địa chỉ được ghi trong hợp đồng tín dụng. Tòa án cũng đã tiến hành niêm yết hợp lệ, và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng cho bị đơn vợ chồng ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T nhưng bị đơn không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Mặc dù, đã được Tòa án niêm yết hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T vẫn vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng: Xét hợp đồng tín dụng số 02/2020/11371181/HĐTD ngày 19/8/2020 được ký kết giữa Ngân hàng TMCP Đ với ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T đã thể hiện ý chí tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên; quá trình thực hiện hợp đồng, vợ chồng ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T chưa thanh toán được cho Ngân hàng TMCP Đ được khoản tiền gốc nào và vi phạm nghĩa vụ trả lãi kể về thời hạn trả nợ từ ngày 20/8/2021. Do đó, nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu bị đơn vợ chồng ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP Đ tính đến ngày xét xử 31/7/2023 là 261.197.541 đồng, trong đó nợ gốc: 210.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 49.896.001 đồng, nợ lãi quá hạn: 186.411 đồng và tiền lãi chậm trả lãi: 1.115.129 đồng.

Về tiền lãi phát sinh: Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 01/08/2023 theo hợp đồng tín dụng số 02/2020/11371181/HĐTD, ngày 19/8/2020 cho đến khi ông L, bà T trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Xét hợp đồng thế chấp số 01/2018/1137118/HĐBĐ ngày 09/8/2018 giữa Ngân hàng TMCP Đ với vợ chồng ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T được ký kết với người có thẩm quyền, đúng thủ tục và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định nên phát sinh hiệu lực. Do đó, Trường hợp ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36, diện tích 491,6 m^2, trong đó diện tích đất ở là 200 m^2, đất trồng cây lâu năm 291,6 m^2, địa chỉ thửa đất: xã Ch, huyện K, tỉnh Đắk Lắk, được UBND huyện Krông Búk cấp cho ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T ngày 12/6/2018 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 304844 theo ký kết hợp đồng thế chấp số 01/2018/1137118 /HĐBĐ ngày 09/8/2018 để thu hồi nợ là phù hợp với quy định.

Trường hợp ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng TMCP Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông L, bà T bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 304844.

[4]. Về chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (nguyên đơn đã nộp và chi xong). Ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ 1.500.000 đồng đã nộp.

[5]. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 13.060.000 đồng (làm tròn).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 147 của Bộ Luật tố tụng dân sự; các Điều 353; 317, 318, 319, 321, 322, 323; 463; 466; 468 của Bộ luật dân sự; Điều 8, 91 Luật các tổ chức tín dụng; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ.

1. Về số nợ và nghĩa vụ trả nợ: Buộc ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ tổng số nợ gốc và nợ lãi tạm tính đến ngày xét xử (ngày 31/7/2023) là 261.197.541 đồng (*Hai trăm sáu mươi mốt triệu một trăm chín mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi mốt đồng*), trong đó nợ gốc: 210.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 49.896.001 đồng, nợ lãi quá hạn: 186.411 đồng và tiền lãi chậm trả lãi: 1.115.129 đồng.

Tiếp tục tính lãi phát sinh kể từ ngày 01/8/2023 theo hợp đồng tín dụng số 02/2020/11371181/HĐTD ngày 19/8/2020 cho đến khi ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng

2. Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T không trả được nợ hoặc trả nợ không đầy đủ cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 58, tờ bản đồ số 36, diện tích 491,6 m^2, trong đó diện tích đất ở là 200 m^2, đất trồng cây lâu năm 291,6 m^2, địa chỉ thửa đất: xã Ch, huyện K, tỉnh Đ, được UBND huyện Krông Búk cấp cho ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T vào ngày 12/6/2018 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 304844 theo ký kết hợp đồng thế chấp số 01/2018/1137118/HĐBĐ ngày 09/8/2018 để thu hồi nợ.

Trường hợp ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T thanh toán đầy đủ các khoản nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng TMCP Đ có nghĩa vụ trả lại cho ông L, bà T bản gốc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CM 304844.

3. Về chi phí tố tụng : Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ là 1.500.000 đồng (nguyên đơn đã nộp và chi xong). Ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ 1.500.000 đồng đã nộp.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326 /2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu miễn, giảm thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án buộc Ông Phạm Quốc L, bà Ngô Thị T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 13.060.000 đồng (*Mười ba triệu không trăm sáu mươi nghìn đồng*).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 6.159.000 đồng tạm ứng án phí dân sự đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2022 /0000263, ngày 07 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Krông Búk, tỉnh Đắk Lắk.

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND huyện Krông Búk;*
- *Chi cục THADS huyện Krông Búk;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk*
- *Lưu Hồ sơ, Văn phòng.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Trương Văn Chinh